

**TOA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNPT
Ngày: 09 – 3 - 2018
V/v: “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLPT-HN, ngày 22 tháng 12 năm 2017, về “ Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số: 80/2017/HN - ST, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố D bị kháng cáo, bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 22/02/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Trần Hữu Đ.**

Địa chỉ: Đường B1, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bị đơn: Chị **Lưu Mỹ P.**

Địa chỉ: Đường B2, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Lưu Mỹ T.**

Địa chỉ: Đường B3, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ nước ngoài: USA.

Người đại diện hợp pháp của chị Lưu Mỹ T: Chị Tăng Mỹ Q; địa chỉ: đường B3, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2014 và ngày 23/3/2016.

2. Ngân hàng E.

Địa chỉ: Đường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Nhật A – Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng E chi nhánh Vĩnh Long; địa chỉ: Đường B4, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền số 41/UQ-QLN.17 ngày 14/9/2017.

Người kháng cáo: Bà Lưu Mỹ P là bị đơn và bà Tăng Mỹ Q là người đại diện theo ủy quyền cho bà Lưu Mỹ T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 26/02/2014 bổ sung ngày 19/5/2015 và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu Đ trình bày:

Anh và chị Lưu Mỹ P kết hôn năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố D, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nên ly thân, mặc dù cố gắng khắc phục nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Minh T1 sinh 06/02/2001 và Trần Mỹ T2 sinh 13/8/2003, khi ly hôn thì tùy các con muốn sống với anh hay chị P cũng được.

Tài sản chung có 10 căn phòng trọ trị giá 600.000.000 đồng được xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sử dụng của cá nhân anh tại đường B3, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long, nay anh yêu cầu được sở hữu 10 căn phòng trọ anh sẽ hoàn lại cho chị P 50% giá trị bằng số tiền 300.000.000 đồng.

Về nợ: Vợ chồng anh có vay của Ngân hàng E 600.000.000 đồng để sửa chữa phòng trọ, mua sắm vật dụng và tiêu dùng trong gia đình anh chỉ mới trả được một phần, nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh và chị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ anh đồng ý, riêng đối với việc chị Lưu Mỹ T trình bày anh và chị P vay của chị T 600.000.000 đồng để xây phòng trọ và yêu cầu anh phải có trách nhiệm cùng chị P trả nợ cho chị T thì anh không đồng ý, vì anh không biết việc chị P vay tiền của chị T để làm gì, anh không có sử dụng số tiền này, nguồn tiền xây phòng trọ là tiền dành dụm của vợ chồng.

Tại đơn phản tố ngày 26/3/2014, đơn thay đổi yêu cầu ngày 08/12/2015 bổ sung ngày 20/01/2016 và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án chị Lưu Mỹ P trình bày:

Ngày tháng năm kết hôn và con chung như anh Đ trình bày là đúng, từ khoảng tháng 7 năm 2013 chị phát hiện anh Đ vướng vào nạn đá gà, cá độ chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến sống ly thân, xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị

cũng đồng ý ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng có tài sản chung gồm: 02 xe mô tô biển số 64F 7272, 64Y1 5191, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình như tivi, tủ lạnh, máy giặt... tuy nhiên phần này không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để chị và anh Đ tự thỏa thuận phân chia, ngoài ra trong quá trình chung sống vợ chồng có cất nhà, xây phòng trọ trên thửa đất thuộc quyền sử dụng của anh Đức tại đường B3, phường C, thành phố D như sau: Xây mới căn nhà chính, nhà phụ bên hông, quán trà sữa và tiệm làm tóc tổng cộng khoảng 300.000.000 đồng, xây 10 căn phòng trọ 600.000.000 đồng, chuyển mục đích 80m² đất từ vườn sang đất ở làm tăng giá trị đất đến nay giá trị của 80m² đất khoảng 400.000.000 đồng, nay ly hôn chị giao cho anh Đ sở hữu toàn bộ tài sản chung nhưng anh Đ phải hoàn lại cho chị 50% giá trị tài sản bằng số tiền 650.000.000 đồng (1.300.000.000đ: 2 = 650.000.000đ).

Về nợ: Năm 2013 chị và anh Đ có vay của Lưu Mỹ T em ruột chị số tiền 600.000.000 đồng để xây 10 căn phòng trọ, nay anh Đ sở hữu 10 căn phòng trọ thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T, đối với số tiền nợ của Ngân hàng E thì anh Đ vay sử dụng vào mục đích riêng không phải để xây phòng trọ vì khi vay tiền của ngân hàng thì dãy phòng trọ đã xây xong, chị ký tên vào hợp đồng tín dụng với tư cách là người thừa kế chứ không có sử dụng tiền, nên đây là nợ riêng của anh Đ chị không chịu trách nhiệm trả.

Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2015 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng E) trình bày: Theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số VIL.CN.02.151013 ngày 16/10/2013 ACB cho vợ chồng anh Đ và chị P vay 600.000.000 đồng, thời hạn 84 tháng tính từ ngày giải ngân 17/10/2013, mục đích vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa 10 căn phòng trọ, lãi trong hạn 13,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, trong quá trình vay anh Đ trả được 78.501.632 đồng tiền gốc rồi ngưng không trả tiếp là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đến ngày 01/12/2014 ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang quá hạn, tính đến ngày 23/10/2017 anh Đ và chị P còn nợ ngân hàng 707.281.970 đồng, trong đó tiền gốc 521.498.368 đồng, tiền lãi 185.783.602 đồng, để bảo đảm cho khoản tiền vay anh Đ thế chấp quyền sử dụng đất thửa 123-1, 123-2 và căn nhà gắn liền trên thửa đất 123-1 cùng tờ bản đồ số 6, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long, nay ngân hàng yêu cầu anh Đ và chị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay vốn và lãi nêu trên, đồng thời ngân hàng được tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thu hồi hết nợ gốc, trường hợp anh Đ và chị P không trả đủ tiền thì ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23/3/2016 của chị Lưu Mỹ T cũng như tại phiên tòa chị Tăng Mỹ Q đại diện chị T trình bày: Chị T là em ruột của chị P, khoảng tháng 7/2013 vợ chồng anh Đ và chị P có hỏi mượn của chị T 600.000.000 đồng để xây 10 căn phòng trọ nên ngày 15/7/2013 chị T và chị P ra văn phòng công chứng ký 02 hợp đồng vay tiền 01 hợp đồng vay 600.000.000

đồng và 01 hợp đồng vay 590.000.000 đồng nhưng thực chất đến nay còn nợ 600.000.000 đồng, anh Đ không có ký tên trên hợp đồng vay nhưng anh biết rõ việc này vì anh cùng chị P hỏi mượn tiền của chị T để xây phòng trọ, nay anh Đ và chị P ly hôn chia tài sản nên chị yêu cầu anh Đ và chị P phải cùng có trách nhiệm trả lại cho chị T số tiền 600.000.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân sơ thẩm số 80/2017/HN-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D đã xử:

Áp dụng:

Các Điều 27, 37, 45, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Các Điều 147, 165, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 375, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 12, 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu Đ với chị Lưu Mỹ P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ với chị P về việc: Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T1 sinh 06/02/2001, chị P trực tiếp nuôi dưỡng Trần Mỹ T2 sinh 18/3/2003, anh Đ và chị P không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

2.2. Chị P có quyền, nghĩa vụ đến thăm Minh T1, anh Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm Mỹ T2 không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con lẫn nhau.

3. Về tài sản:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị P về việc phân chia: 02 xe mô tô biển số 64F 7272 và 64Y1 5191, máy lạnh, tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy xấy quần áo, lò vi sóng, tủ búp phê, máy nước nóng, bộ ghế salon, dàn karaoke, bộ máy vi tính.

3.2. Công nhận cho anh Đ được quyền sở hữu các tài sản sau đây:

- Căn nhà chính diện tích 105,12m² kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tole, có trần tạ lác trên thửa đất 123-1 tờ bản đồ số 6, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long.

- Nhà phụ bên hông nhà chính diện tích 30,8m², Quán trà sữa diện tích 65,16m² và Tiệm làm tóc diện tích 41,71m² cùng kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tole, có trần cùng tọa lạc trên thửa đất 123-2 tờ bản đồ số 6, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Dãy phòng trọ 10 căn diện tích 177,51m² kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tole, có trần, có gác lửng và sân tráng xi măng diện tích 75,66m² cùng tọa lạc trên thửa đất 123-2 tờ bản đồ số 6, phường C, thành phố D, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Anh Đ có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch tài sản và hỗ trợ cho chị P ổn định cuộc sống tổng cộng bằng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu).

4. Về nợ:

4.1. Buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng E số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số VIL.CN.02.151013 ngày 16/10/2013 tổng cộng gốc và lãi tính đến 23/10/2017 là 707.281.970 đồng (bảy trăm lẻ bảy triệu hai trăm tám mươi một ngàn chín trăm bảy chục đồng) trong đó tiền gốc là 521.498.368 đồng (năm trăm hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi là 185.783.602 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm lẻ hai đồng), anh Đ còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/10/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp anh Đ không trả đủ tiền thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 123-1, 123-2 cùng tờ bản đồ số 6, phường C, thành phố Vĩnh D, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà gắn liền trên thửa đất 123-1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất số: VIL.BĐCN.01.151013 ngày 16/10/2013 để thu hồi nợ.

4.2. Buộc chị P có nghĩa vụ trả cho chị Lưu Mỹ T 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2017 bà Lưu Mỹ P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cho cải sửa bản án hôn nhân sơ thẩm số 80/2017/HN-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D.

Xác định giá trị chênh lệch phần đất diện tích 80m² đất vườn chuyển sang mục đích thành đất ở là sinh lợi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung giữa tôi và anh Đ. Giá chênh lệch nêu trên tạm tính là 400.000.000đ, Tôi yêu cầu chia 200.000.000đ.

Xác định số tiền vay 600.000.000đ của Lưu Mỹ T là nợ chung. Và quyết định tôi và anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này,

Tôi đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 80/2017/HN-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D thụ lý giải quyết vụ kiện này

không đúng thẩm quyền.

Ngày 08/11/2017 bà Tăng Mỹ Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Hủy bản án sơ thẩm số 80/2017/HN-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết theo đúng thẩm quyền, giải quyết lại chấp nhận theo yêu cầu độc lập của Lưu Mỹ T. Buộc Trần Hữu Đ có trách nhiệm cùng trả 600.000.000đ cho Lưu Mỹ T.

Ngày 21/11/2017 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Hữu Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lưu Mỹ P và bà Tăng Mỹ Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự,

Xét kháng cáo của bà P và bà Q là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi vì: Trong vụ án bà Lưu Mỹ T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và có quốc tịch nước ngoài (Hoa Kỳ), ngày 23/4/2016 bà T làm giấy ủy quyền và có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 26/4/2016 được hợp pháp hóa Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco Hoa Kỳ. Ngày 19/5/2016 Tòa án nhân dân thành phố D nhận các văn bản này. Ngày 07/6/2016 nộp tạm ứng án phí. Theo quy định tại Điều 37 và Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhưng Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết. Lẽ ra, phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng đối với quan hệ hôn nhân và con chung không có kháng cáo, kháng nghị và các đương sự đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm nên chỉ hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung là đủ. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét các yêu cầu kháng cáo của bà P và bà Q.

Về kháng nghị: Án sơ thẩm xác định khối tài sản chung của anh Đ và chị P có được là 836.899.643 đồng; khoản nợ chung phải thanh toán cho ngân hàng là 707.281.643 đồng. Như vậy tài sản sau khi thanh toán nợ còn lại 129.617.673 đồng được chia đều cho mỗi bên hưởng 64.808.836 đồng.

Theo Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí Tòa án không quy định cụ thể đương sự phải chịu án phí chia tài sản chung trước khi thanh toán nợ chung, nhưng tại Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định: “*Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung, chia di sản thừa kế mà cần xem xét việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản với bên thứ ba từ tài sản chung*

thì đương sự phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba”.

Vụ án này được thụ lý sơ thẩm trước ngày 01/01/2017 nên án sơ thẩm áp dụng Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng không áp dụng Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 để giải quyết vụ án là không đúng. Do đó, buộc anh Đ, chị P phải chịu án phí 32.291.200 đồng của số tiền trả nợ Ngân hàng là 707.281.970 đồng và 6.480.800 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng án phí phải chịu là 38.772.000 đồng. Cụ thể mỗi người phải chịu 19.386.000 đồng án phí phần tài sản chung, nợ chung mới đúng.

Do không áp dụng Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên án sơ thẩm buộc anh Đ và chị P phải chịu số tiền án phí 37.106.800 đồng đối với nợ chung là 836.899.643 đồng và phải chịu án phí 32.291.200 đồng đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng 707.282.970 đồng là không đúng, gây thiệt hại cho anh Đ và chị P 30.636.000 đồng, mỗi người thiệt hại 15.313.000 đồng.

Xét thấy quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ nhưng do hủy án sơ thẩm nên chấp nhận một phần kháng nghị.

Từ phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đề nghị: Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Mỹ P và bà Tăng Mỹ Q. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung. Giữ hồ sơ tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để giải quyết sơ thẩm. Bà P và bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xét xử ngày 25/10/2017. Ngày 08/11/2017 bà Lưu Mỹ P và bà Tăng Mỹ Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và ngày 21/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà P, bà Q và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long còn trong hạn luật định, bà g, bà Q nộp tạm ứng án phí đầy đủ. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Anh Trần Hữu Đ và chị Lưu Mỹ P kết hôn với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D và được Ủy ban nhân dân phường C cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là

quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau được 02 con chung là Trần Minh T2 và Trần Mỹ T3. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Đ xin ly hôn với chị P.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ và chị P thỏa thuận với nhau: Thuận tình ly hôn, về con chung anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T1, chị P trực tiếp nuôi dưỡng Trần Mỹ T2, anh chị không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau. Nên cấp sơ thẩm Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu Đ với chị Lưu Mỹ P và công nhận sự thỏa thuận của anh Đ với chị P về việc: Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T1 sinh 06/02/2001, chị P trực tiếp nuôi dưỡng Trần Mỹ T2 sinh 18/3/2003, anh Đ và chị P không cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau. Chị P có quyền, nghĩa vụ đến thăm Minh T1, anh Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm Mỹ T2 không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con lẫn nhau là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật. Các đương sự không kháng cáo.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng của vợ chồng: Anh Đ và chị P thừa nhận vợ chồng có 10 căn nhà trọ có giá trị khoảng 600.000.000đ. Chị P trình bày chị có vay tiền của chị T 600.000.000đ để xây nhà trọ. Anh Đ không thừa nhận. Trong vụ án bà Lưu Mỹ T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và có quốc tịch nước ngoài (Hoa Kỳ), ngày 23/4/2016 bà T làm giấy ủy quyền và có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 26/4/2016 được hợp pháp hóa Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco Hoa Kỳ. Ngày 19/5/2016 Tòa án nhân dân thành phố D nhận các văn bản này. Ngày 07/6/2016 chị T nộp tạm ứng án phí và Tòa án nhân dân thành phố D ra thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu độc lập của chị T. Theo quy định tại Điều 37 và Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhưng Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết. Vi phạm này của án sơ thẩm cấp phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được. Lẽ ra, phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng đối với quan hệ hôn nhân và con chung không có kháng cáo, kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm nên chỉ hủy một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, nợ chung là đủ. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét các yêu cầu kháng cáo của bà P và bà Q. Giữ hồ sơ lại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết theo thẩm quyền. Do đó chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Lưu Mỹ P và chị Tăng Mỹ Q.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên phần giải quyết về tài sản và về nợ của vợ chồng anh Đ và chị P đã bị hủy, nên sẽ được xem xét lại khi vụ án được giải quyết lại.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên chị Lưu Mỹ P và chị Lưu Mỹ T có chị Tăng Mỹ Q làm đại diện không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung và án phí hôn nhân sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1/ Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Lưu Mỹ P và một phần đơn kháng cáo của Tăng Mỹ Q. Hủy một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 80/2017/HN-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết về tài sản và về nợ giữa nguyên đơn anh Trần Hữu Đ với bị đơn chị Lưu Mỹ P với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Mỹ T và Ngân hàng E và về phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2/ Giữ hồ sơ lại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết theo thẩm quyền.

3/ Các phần khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung và về án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Về án phí phúc thẩm: Chị Lưu Mỹ P và chị Lưu Mỹ T (có chị Tăng Mỹ Q làm đại diện) không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả chị Lưu Mỹ P 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003109 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố D. và hoàn trả Lưu Mỹ T (do chị Tăng Mỹ Q nộp thay) 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003110 ngày 09/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TNV: 01b;
- VKSND T Vĩnh Long: 02b;
- TAND TP D: 01b;
- VKSND TP D: 01b;
- CCTHADS TP D:01b;
- Các đương sự: 04b;
- Lưu: 04b./.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc